

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HN – PT
Ngày: 09/01/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLPT- HN ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ – ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 331/2017/QĐ – PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Phạm Duy L, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Trương Thị Cẩm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm T và bị đơn anh Phạm Duy L cùng thống nhất anh chị tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị T và anh L thuận tình ly hôn. Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013, hiện đang sống với anh L. Về tài sản chung và nợ chung, chị T và anh L cùng trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Trương Bảo T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 63/2017/HNGĐ – ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 đã tuyên:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Cẩm T đối với anh Phạm Duy L. Chị Trương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Duy L.

Về con chung:

Anh Phạm Duy L được nuôi con chung tên Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013. Ghi nhận anh Phạm Duy L không yêu cầu chị Trương Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2017 chị Trương Thị Cẩm T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ quan điểm kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: cháu Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013 hiện đang sống ổn định với cha, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị T về yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013, hiện đang sống với anh L. Về điều kiện nuôi con, cả anh L và chị T đều chứng minh được thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Điều kiện về thời gian chăm sóc con, cả anh L và chị T đều bận công việc nên đều có hạn chế về thời gian, tuy nhiên, gia đình hỗ trợ nên cũng không ảnh hưởng. Từ khi con chung sống với anh L thì vẫn phát triển bình thường và chị T vẫn tới lui chăm sóc con thì anh L không có gì cản trở. Do đó, để đảm bảo việc phát triển ổn định của con chung nên tiếp tục để anh L nuôi con là phù hợp. Kháng cáo của chị T là không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trương Thị Cẩm T phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Cẩm T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ – ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Cẩm T đối với anh Phạm Duy L. Chị Trương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Duy L.

Về con chung: Anh Phạm Duy L được nuôi con chung tên Phạm Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2013. Ghi nhận anh Phạm Duy L không yêu cầu chị Trương Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010075 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Về án phí phúc thẩm: Chị Trương Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012644 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng